

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:
532/2017/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 11 – 2017
V/v “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua.
2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không T2m gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Sơn Thị Ngọc T1**, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt, đề ngày 02/10/2017).

Nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh **Thạch T2**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 06/7/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Sơn Thị Ngọc T1 trình bày:

Trên cơ sở tìm hiểu, quen biết nhau, được sự đồng ý của gia đình chị T1 và anh Thạch T2 tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/7/2016. Chị T1 và anh Thạch T2 sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh Thạch T2 nhậu, không lo làm ăn, chăm sóc vợ con nên chị T1 và anh Thạch T2 sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay. Chị T1 nhận thấy không còn tình cảm với anh Thạch T2 nên yêu cầu ly hôn. Trong quá trình chung sống, chị T1 và anh Thạch T2 có với nhau một người con chung tên Sơn Minh K, sinh ngày 17/11/2014; từ khi ly thân đến nay con chung do chị T1 nuôi dưỡng, chị T1 yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh Thạch T2 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phía bị đơn là anh Thạch T2: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Thạch T2 không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

+ Nguyên đơn là chị T1 đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án bao gồm: Đơn khởi kiện của chị T1, ghi ngày 06/7/2017; bản tự khai của chị T1, ghi ngày 06/7/2017; bản sao giấy chứng minh nhân dân của chị T1; bản sao sổ hộ khẩu gia đình (chủ hộ Sơn Châu); trích lục khai sinh của Sơn Minh K; trích lục kết hôn số 188/TLKH-BS ngày 06/7/2017; đơn xác nhận nơi cư trú của đương sự đối với anh Thạch T2, ghi ngày 06/7/2017; 01 giấy dịch vụ chuyển phát nhanh.

+ Bị đơn là anh Thạch T2 không có giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Chị T1 trình bày trên cơ sở tìm hiểu, quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình, chị T1 và anh Thạch T2 tổ chức lễ cưới ngày 11/12/2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Loan Mỹ ngày 07/7/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp nên không phải chứng minh.

+ Về con chung: Chị T1 trình bày chị và anh Thạch T2 có một người con chung tên Sơn Minh K, sinh ngày 17/11/2014. Theo giấy trích lục khai sinh số 104/TLKS-BS ngày 23/5/2016 do chị T1 giao nộp cho Tòa án phân họ, chữ đệm, tên người mẹ là Dương Thị T3; họ, chữ đệm, tên người cha là Sơn C (cha và mẹ ruột của chị T1). Tại thời điểm làm giấy khai sinh cho cháu Sơn Minh K, chị T1 và anh Thạch T2 đi làm ăn xa không có nhà, mẹ ruột chị

T1 là người đi làm giấy khai sinh cho cháu Sơn Minh K nên bà Dương Thị T3 ghi họ tên của bà và ông Sơn C là cha, mẹ của cháu K. Anh Thạch T2 cũng biết và không phản đối việc này nên tình tiết, sự kiện này đương sự không cần phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh Thạch T2 nhưng anh Thạch T2 không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải thì anh Thạch T2 cũng không T2m dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh Thạch T2 là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải T2m gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn là anh Thạch T2. Nhưng anh Thạch T2 đã vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Thạch T2.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T1 là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của chị T1 thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị

và anh Thạch T2 là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh Thạch T2 không lo làm ăn, sống ly thân từ tháng 2 năm 2017 cho đến nay không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh chị không tự hàn gắn được. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T1 và anh Thạch T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị T1 về việc xin ly hôn với anh Thạch T2.

- Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T1, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Sơn Minh K, sinh ngày 17/11/2014 là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ từ khi ly thân đến nay cháu Sơn Minh K do chị T1 nuôi dưỡng, chị T1 không yêu cầu anh Thạch T2 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T1 trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Chị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Sơn Thị Ngọc T1.

- Về hôn nhân: Chị Sơn Thị Ngọc T1 được ly hôn với anh Thạch T2.

- Về con chung: Giao con chung tên Sơn Minh K, sinh ngày 17/11/2014 cho chị Sơn Thị Ngọc T1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T1 không yêu cầu anh Thạch T2 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Thạch T2 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Sơn Thị Ngọc T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Chị Sơn Thị Ngọc T1 phải nộp số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N_o 0010152 ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị Sơn Thị Ngọc T1 không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cảnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cảnh